

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 06 năm 2020

BẢN TIN TUẦN
DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC
PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP
TRÊN LƯU VỰC SÔNG SÀI GÒN (VÙNG ĐÔNG NAM BỘ) NĂM 2020
(Tuần từ ngày 25 tháng 06 năm 2020 đến ngày 01 tháng 7 năm 2020)

I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC

1. Lượng mưa

Theo số liệu từ Đài KTTV Nam Bộ, kết quả lượng mưa quan trắc được tại các trạm trong tuần qua như sau:

Trạm	Lượng mưa trong tuần (mm)	Lượng mưa lũy tích từ đầu năm (mm)	So sánh lượng mưa lũy tích với cùng kỳ (+/-%)					Dự báo tình hình mưa tuần tới
			TBNN	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2016	
Bến Cát	49,0	440,6	- 2,6	- 31,6	- 39,7	- 36,4	+ 31,0	52,8
Bình Long	149,6	713,8	+ 45,4	+ 41,2	+ 105,1	- 13,1	+ 54,0	70,0
Cần Đăng	98,2	458,4	- 14,7	+ 42,2	- 31,4	- 41,4	+ 26,2	51,1
Dầu Tiếng	96,1	836,0	+ 58,9	- 16,8	+ 19,2	+ 1,1	+ 90,5	56,6
Đồng Ban	50,6	440,4	+ 8,6	+ 4,2	+ 8,8	- 23,9	+ 49,7	49,5
Gò Dầu	28,9	245,7	- 48,9	- 56,9	- 58,8	- 59,8	- 14,9	34,8
Lộc Ninh	41,2	349,0	- 40,9	- 34,0	- 50,9	- 84,0	+ 79,3	53,8
Sở Sao	37,6	643,2	+ 14,3	- 11,9	- 20,3	- 18,7	+ 29,6	48,0
Tân Sơn Hòa	48,6	590,7	+ 15,7	+ 5,6	- 22,2	- 33,7	+ 67,1	53,5
Tây Ninh	30,8	320,3	- 43,9	- 55,9	- 42,0	- 56,9	- 3,0	49,3
Trung bình	63,1	503,8	- 0,8	- 11,4	- 13,2	- 36,7	+ 40,9	52,0

Ghi chú: “+”, “-” Lượng mưa tăng, giảm so với cùng kỳ.

Nhận xét:

Lượng mưa lũy tích trung bình các trạm đo chính trên khu vực (khoảng 63,1 mm), xấp xỉ TBNN, thấp hơn năm 2019 là 11,4%, thấp hơn 13,2% so với năm 2018, thấp hơn 36,7% so với năm 2017 và cao hơn 40,9% so với năm 2016. Lượng mưa trong tuần lớn nhất tại trạm Bình Long (149,6 mm) và lượng mưa trong tuần nhỏ nhất tại trạm Gò Dầu (28,9 mm). Một số trạm có mưa to đến rất to như: Bình Long mưa to 92 mm ngày 21/6 (tỉnh Bình Phước); trạm Cà Tum mưa to ngày 21/6 với vũ lượng 88 mm (tỉnh Tây Ninh); trạm Cần Giờ 201 mm (mưa rất to với vũ lượng 108 mm ngày 19/6) (TP.HCM).

Lượng mưa trung bình dự báo trong giai đoạn tiếp theo là khoảng 52,0 mm, có xu hướng xấp xỉ trung bình nhiều năm cùng thời kỳ. Nhiệt độ trung bình dự báo phổ biến ở mức cao hơn TBNN cùng thời kỳ.

2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi

Hồ chứa	Dung tích trữ thiết kế (triệu m ³)	Dung tích trữ hiện tại (triệu m ³)	W trữ hiện tại so với W _{tk} (%)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)				Xu thế nguồn nước tuần tới	Dự kiến W trữ cuối vụ (%)
				TBNN	2019	2018	2017		
Hồ Dầu Tiếng	1.580,00	657,38	41,61	- 12,1	- 3,3	- 24,5	- 24,0	Tăng	68,21
Hồ Càn Nôm	7,99	3,73	46,66	- 32,9	+ 12,1	- 47,3	- 52,8	Tăng	85,11
Hồ Ba Veng	0,8674	0,65	74,72	+ 2,7	- 7,7	- 6,1	- 14,0	Tăng	100,00
Hồ Tha La	23,47	18,32	78,06	- 5,6	0	- 21,9	- 10,2	Giảm	79,30
Hồ Bù Nâu	0,614	0,28	45,70	- 48,9	- 40,9	- 54,3	- 54,3	Tăng	100,00
Hồ Tà Thiết	1,15	0,242	21,02	- 66,9	- 5,1	- 77,1	- 79,0	Tăng	74,76
Hồ Rừng Cấm	2,068	1,23	59,55	- 27,1	- 23,2	- 40,4	- 40,4	Tăng	96,69
Hồ Tà Te	0,756	0,37	48,56	- 44,6	- 17,5	- 49,4	- 51,4	Tăng	100,00
Hồ Suối Láp	0,37	0,36	98,10	+ 27,8	+ 2,0	+ 3,7	+ 0,8	Tăng	100,00
Hồ Lộc Thạnh	2,957	1,98	66,79	+ 27,3	- 1,2	+ 58,0	- 21,0	Tăng	100,00
Trung bình/Tổng	1.620,24^(*)	684,54	42,25	- 18,0	- 8,5	- 25,9	- 34,6		68,61

Ghi chú: “+”, “-” Dung tích trữ tăng, giảm so với cùng kỳ. (*): Giá trị tổng.

Nhận xét:

Tổng dung tích trữ thiết kế của các công trình trên khu vực là 1.620 triệu m³. Nguồn nước trong các hồ chứa tính đến thời điểm ngày 24/06/2020 ở mức trung bình so với DTTK, tổng dung tích trữ hiện tại là 684,54 triệu m³ (đạt 42,25% DTTK). Tổng dung tích trữ các hồ chứa thấp hơn so với cùng kỳ các năm 2017-2019, thấp hơn cùng kỳ TBNN. Một số hồ có dung tích trữ thấp dưới 50% DTTK như: Hồ Dầu Tiếng (41,61% DTTK) thuộc tỉnh Tây Ninh; Càn Nôm (46,66% DTTK) thuộc tỉnh Bình Dương; Bù Nâu (45,70% DTTK), Tà Thiết (21,02% DTTK), hồ Tà Te (48,56% DTTK) thuộc tỉnh Bình Phước.

II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÔNG TRÌNH THỦY LỢI, TÌNH HÌNH HẠN HÁN VÀ KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG NƯỚC

1. Khả năng cấp nước

a. Kế hoạch sử dụng nước

Theo kết quả tính toán, tổng nhu cầu nước theo kế hoạch sản xuất tháng 7 của vụ Hè Thu năm 2020 của 10 hồ chứa lớn và vừa trên lưu vực sông Sài Gòn (vùng Đông Nam Bộ) là **26,42** triệu m³.

TT	Tên hồ chứa	Vụ Hè Thu năm 2020				Nhu cầu nước tưới tháng 7 cho vụ Hè Thu năm 2020 (10 ⁶ m ³)
		Diện tích sản xuất vụ Hè Thu (ha)				
		Lúa	Rau màu	Cây CNDN	Thủy sản	
Tổng cộng		12.397,1	1.093,0	32.147,0	440,0	26,42
1	Hồ Dầu Tiếng	12.200	1.048	29.462	440	25,22
2	Hồ Càn Nôm	105,1181	45		0	0,15
3	Hồ Ba Veng			70		0,02
4	Hồ Tha La			2.250		0,66
5	Hồ Bù Nâu	42		60		0,08

TT	Tên hồ chứa	Vụ Hè Thu năm 2020				
		Diện tích sản xuất vụ Hè Thu (ha)				Nhu cầu nước tưới tháng 7 cho vụ Hè Thu năm 2020 (10 ⁶ m ³)
		Lúa	Rau màu	Cây CNDN	Thủy sản	
6	Hồ Tà Thiết	50		20		0,18
7	Hồ Rừng Cẩm			90		0,03
8	Hồ Tà Te	0		30		0,01
9	Hồ Suối Láp			85		0,03
10	Hồ Lộc Thạnh			80		0,03

b. Dự báo nguồn nước đến hồ chứa

TT	Tên hồ chứa	Dự báo khả năng dòng chảy tới các hồ chứa tháng 7 năm 2019 (10 ⁶ m ³)
1	Hồ Dầu Tiếng	215,69
2	Hồ Càn Nôm	1,27
3	Hồ Ba Veng	1,48
4	Hồ Tha La	43,37
5	Hồ Bù Nâu	2,39
6	Hồ Tà Thiết	0,47
7	Hồ Rừng Cẩm	1,44
8	Hồ Tà Te	0,26
9	Hồ Suối Láp	0,79
10	Hồ Lộc Thạnh	1,80

c. Kết quả tính toán cân bằng nước và các khuyến cáo cho từng công trình

Dựa vào xu thế mưa một số năm gần đây; kết quả dự báo của Đài KTTV khu vực Nam Bộ; kế hoạch sử dụng nước; và kết quả tính toán cân bằng nước tháng 7 cho vụ Hè Thu, kết quả dự báo tuần từ ngày 25/06/2020 đến ngày 01/7/2020 như sau:

- **10/10 hồ chứa có khả năng đảm bảo cấp nước 100%:** Hồ Dầu Tiếng, hồ Càn Nôm, hồ Ba Veng, hồ Tha La, hồ Bù Nâu, hồ Tà Thiết, hồ Rừng Cẩm, hồ Tà Te, hồ Suối Láp, hồ Lộc Thạnh.

Tên công trình	Dung tích hiện tại so với DTTK (%)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Hè Thu năm 2020 từ ngày 25/06/2020 đến 01/7/2020			Ghi chú
			Dung tích so với TK (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	
Hồ Dầu Tiếng	41,61	43.150	43,73	100	43.150	Đủ nước
Hồ Càn Nôm	46,66	150,12	48,12	100	150,12	Đủ nước
Hồ Ba Veng	74,72	70	79,46	100	70	Đủ nước
Hồ Tha La	78,06	2.250	74,77	100	2.250	Đủ nước
Hồ Bù Nâu	45,70	102	47,96	100	102	Đủ nước
Hồ Tà Thiết	21,02	70	21,30	100	70	Đủ nước
Hồ Rừng Cẩm	59,55	90	60,68	100	90	Đủ nước
Hồ Tà Te	48,56	30	50,62	100	30	Đủ nước
Hồ Suối Láp	98,10	85	98,86	100	85	Đủ nước
Hồ Lộc Thạnh	66,79	80	66,95	100	80	Đủ nước
Trung bình/Tổng	42,25	46.077^(*)	44,28	100	46.077^(*)	

Ghi chú: (*) giá trị tổng.

2. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi

Trạm	Vùng	Mưa hiện trạng và dự báo (mm)	So với mưa cùng thời đoạn (%)			Khuyến cáo
			Năm Min	TBNN	Năm Max	
Tây Ninh	Thanh Bắc – Tân Biên	369,6	+ 34	- 41	- 68	Rủi ro hạn thấp
Dầu Tiếng	Tân Hà – Tân Châu	892,6	+ 200,8	+ 56	- 14	Rủi ro hạn thấp
	Thanh Đức – Gò Dầu					
	Cầu Khởi – Dương Minh Châu					
	Gia Lộc – Trảng Bàng					
Trung bình		631,1	+ 117,4	+ 7	- 41	Rủi ro hạn thấp

Ghi chú: “+”, “-” Lượng mưa tăng, giảm so với cùng kỳ.

Nhận xét và khuyến cáo:

Lượng mưa trung bình của các khu vực nằm ngoài công trình thủy lợi cao hơn lượng mưa TBNN 7 % và cao hơn 117,4% so với năm có lượng mưa nhỏ nhất. Khu vực hiện tại đang trong mùa mưa, tuần qua tiếp tục phổ biến có mưa vừa trên diện rộng nên khả năng rủi ro hạn hán thiếu nước đối với các vùng sản xuất thấp. Tuy nhiên, khuyến cáo người dân có kế hoạch sử dụng nguồn nước tại chỗ hợp lý, sử dụng các biện pháp tưới tiết kiệm nước. Cần tiếp tục theo dõi các bản tin dự báo thời tiết và bản tin dự báo nguồn nước tiếp theo để chủ động thực hiện các biện pháp phòng, chống hạn hán, xâm nhập mặn khi thời tiết diễn biến bất thường.

3. Tổng hợp thông tin hạn hán

Diện tích gieo trồng (ha)			Diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng do thiếu nước (ha)	Diện tích không canh tác do thiếu nước (ha)	Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng, hạn hán, xâm nhập mặn (ha)		
Tổng cộng	Lúa	Cây trồng khác			Lúc cao nhất	Hiện tại	Dự báo xu thế (tăng/giảm)
46.077	12.397	33.680					

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Từ kết quả dự báo nguồn nước đến ngày 01/7/2020 cho thấy tổng dung tích trữ trong các hồ chứa đạt 717,5 triệu m³ (chiếm 44,28% so với dung tích trữ thiết kế). Nguồn nước tại 10/10 hồ chứa trên lưu vực sông Sài Gòn (vùng Đông Nam Bộ) có khả năng đáp ứng đủ 100% cho sản xuất nông nghiệp và cấp nước theo nhiệm vụ thiết kế. Vì vậy, kế hoạch sử dụng nước tại các hồ thủy lợi đến ngày 01/7/2020 không thay đổi.

Để bảo đảm cấp nước cho sản xuất nông nghiệp vụ Hè Thu 2020, kiến nghị một số nội dung sau: (1) Các khu vực có công trình thủy lợi, cần tận dụng tối đa nguồn

nước tự nhiên từ ao, hồ, sông suối, kênh rạch để cung cấp cho sản xuất vụ Hè Thu, tiết kiệm nguồn nước từ các hồ chứa thủy lợi để dành cung cấp cho vụ Mùa. (2) Các vùng ngoài phạm vi cấp nước của các CTTL cần theo dõi chặt chẽ tình hình thời tiết, nguồn, tranh thủ bơm, tát, trữ nước dự trữ khi có điều kiện về nguồn nước; (3) Xây dựng phương án phòng, chống úng, ngập, đề phòng ngập úng cục bộ do mưa lớn, bảo đảm chủ động ứng phó, bảo vệ sản xuất sản xuất nông nghiệp đặc biệt đối với những diện tích mới gieo sạ. (4) Bố trí cơ cấu cây trồng vụ Hè Thu hợp lý để phát huy hiệu quả của nguồn nước. (5) Tăng cường công tác tuyên truyền, thường xuyên thông báo tình hình thời tiết, nguồn nước để điều chỉnh kế hoạch sản xuất phù hợp.

Trên cơ sở bản tin dự báo nguồn nước của 10 hồ chứa trên lưu vực sông Sài Gòn-vùng Đông Nam Bộ, các địa phương cần tiếp tục theo dõi các bản tin dự báo hàng tuần tiếp theo và phản hồi những diễn biến bất thường về thời tiết, kế hoạch sản xuất, quản lý vận hành công trình hồ chứa tới Tổng cục Thủy lợi và Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam để kịp thời cập nhật tin dự báo.

Bản tin tiếp theo sẽ phát hành vào ngày 02/7/2020 (tuần sau)/.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lãnh đạo Tổng cục Thủy lợi (để b/c);
- Lãnh đạo các sở NN&PTNT, CCTL, Cty KTCTTL 06 tỉnh vùng ĐNB;
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc TCTL (để b/c);
- Cục Trồng trọt (Phòng CLT);
- Website TCTL, website Viện QHTLMN (để đăng tin);
- Lưu P. QHTL ĐNB và phụ cận.

VIỆN TRƯỞNG